

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*(Ban hành kèm theo quyết định số 243/QĐ-CĐCN ngày 19 tháng 6 năm 2020 của
Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công nghiệp Thái Nguyên)*

Tên ngành, nghề đào tạo: May thời trang

Mã ngành, nghề: 5540205

Trình độ đào tạo: Trung cấp

Hình thức đào tạo: Chính quy

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương

Thời gian đào tạo: 1,5 năm

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung:

Nhằm đào tạo nhân lực trực tiếp cho sản xuất, kinh doanh và dịch vụ thuộc lĩnh vực ngành, nghề May thời trang, có năng lực hành nghề tương ứng với trình độ trung cấp nghề May thời trang; có đạo đức, sức khỏe; có trách nhiệm nghề nghiệp thuộc lĩnh vực ngành, nghề May thời trang; có khả năng sáng tạo, thích ứng với môi trường làm việc trong bối cảnh hội nhập quốc tế về lĩnh vực May thời trang; bảo đảm nâng cao năng suất, chất lượng lao động thuộc lĩnh vực May thời trang; sau khi hoàn thành khóa học người học có khả năng tìm việc làm trong lĩnh vực May thời trang, thành lập được cơ sở sản xuất, kinh doanh và dịch vụ về lĩnh vực May thời trang, hoặc học lên trình độ cao hơn trong lĩnh vực May thời trang đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

1.2.1. Kiến thức chung:

Đào tạo trình độ Trung cấp nghề thuộc lĩnh vực ngành, nghề May thời trang để người học có năng lực thực hiện được các công việc của trình độ trung cấp nghề thuộc lĩnh vực ngành, nghề May thời trang và giải quyết được các công việc có tính phức tạp của chuyên ngành hoặc nghề May thời trang; có khả năng sáng tạo, ứng dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ hiện đại thuộc lĩnh vực ngành, nghề May thời trang hoặc sản phẩm của cách mạng công nghệ 4.0 vào công việc được đảm nhận, hướng dẫn và giám sát được người khác trong nhóm thực hiện công việc được giao và được cụ thể như sau:

1.2.1.1. Chính trị, đạo đức:

*** Nhận thức**

Có hiểu biết về các nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin, Hiến pháp, Pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Có hiểu biết về đường lối phát triển kinh tế của Đảng, thành tựu và định hướng phát triển công nghiệp của địa phương, khu vực, vùng miền.

*** Đạo đức - tác phong**

Trung thành với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc Việt nam Xã hội chủ nghĩa. Thực hiện đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ của người công dân; sống và làm việc theo Hiến pháp - Pháp luật.

Yêu nghề, có ý thức cộng đồng và tác phong làm việc của một công dân, có sống lành mạnh phù hợp với phong tục, tập quán và truyền thống văn hóa dân tộc. Luôn có ý thức học tập, rèn luyện để nâng cao trình độ đáp ứng nhu cầu của công việc.

1.2.1.2. Thể chất và Quốc phòng

* Thể chất: Có đủ sức khỏe để làm việc lâu dài trong điều kiện năng động của các xí nghiệp công nghiệp. Sức khỏe đạt yêu cầu theo phân loại của Bộ Y tế. Có hiểu biết về các phương pháp rèn luyện thể chất, ý thức xây dựng và bảo vệ tổ quốc.

* Quốc phòng: Hiểu biết những kiến thức, kỹ năng cơ bản cần thiết trong chương trình giáo dục quốc phòng. Có ý thức tổ chức kỷ luật và tinh thần cảnh giác cách mạng, sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc.

1.2.2. Kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp

- Kiến thức:

- + Trình bày được kiến thức của các môn cơ sở ngành như: vẽ kỹ thuật, an toàn lao động để thực hiện các nhiệm vụ cơ bản của nghề may thời trang

- + Phân biệt được tính chất, phạm vi ứng dụng và lựa chọn phương pháp gia công phù hợp kiểu sản phẩm và loại nguyên vật liệu may.

- + Hiểu được nguyên lý, tính năng, tác dụng các loại thiết bị chủ yếu trang bị trên dây chuyền may công nghiệp.

- + Trình bày được phương pháp thiết kế, phương pháp may các kiểu áo sơ mi, quần âu, váy thời trang và áo Jacket, áo khoác nữ một lớp.

- + Hiểu được phương pháp xây dựng quy trình công nghệ sản xuất các loại sản phẩm áo sơ mi, quần âu, váy thời trang và áo Jacket, áo khoác nữ một lớp.

- + Đọc, hiểu các tài liệu kỹ thuật thông dụng chuyên ngành may.

- Kỹ năng:

- + Lựa chọn vật liệu may phù hợp với kiểu dáng sản phẩm và hợp thời trang.

- + Sử dụng thành thạo và bảo quản một số thiết bị máy móc thông dụng trên dây chuyền may công nghiệp.

- + Thiết kế, xây dựng các loại mẫu công nghiệp phục vụ quá trình may sản phẩm.

- + Cắt và may được các kiểu quần âu, áo sơ mi, váy, áo khoác ngoài đảm bảo kỹ thuật và hợp thời trang.

- + Xây dựng được quy trình công nghệ lắp ráp các loại sản phẩm may.

- + Tham gia quản lý và điều hành dây chuyền may công nghiệp, có khả năng sáng tạo và ứng dụng kỹ thuật công nghệ vào các công đoạn may sản phẩm

- + Thực hiện được các biện pháp an toàn lao động.

- Mức tự chủ và chịu trách nhiệm:

+ Làm được các công đoạn sản xuất trên dây chuyền may công nghiệp đảm bảo yêu cầu kỹ thuật

+ Tự thiết kế được các mẫu công nghiệp của phòng kỹ thuật phục vụ quá trình sản xuất

+ Thiết kế, điều hành dây chuyền may công nghiệp trong các doanh nghiệp sản xuất sản phẩm ngành may

1.2.3. Kiến thức bổ trợ:

- Tin học: Đạt được một số nội dung trong Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông.

- Ngoại ngữ: Đạt được trình độ năng lực Tiếng Anh bậc 1 (A1) theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam.

1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:

- Làm việc trong các cơ sở sản xuất may: Nhà máy, các công ty, Công ty liên doanh, công ty TNHH.

- Mở hiệu may thời trang, thiết kế mẫu công nghiệp.

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học:

- Số lượng môn học, mô đun: 21

- Khối lượng kiến thức, kỹ năng toàn khóa học: 1560 giờ

- Khối lượng các môn học chung /đại cương: 255 giờ (17 tín chỉ)

- Khối lượng các môn học, mô đun kỹ thuật cơ sở: 240 giờ (16 tín chỉ)

- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 1046 giờ (35 tín chỉ)

- Khối lượng lý thuyết: 482 giờ (tính cả kiểm tra) ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm, thảo luận: 1078 giờ (tính cả kiểm tra). Đạt tỷ lệ giữa lý thuyết/thực hành là: 30,/69 (%)

- Thời gian khóa học: 1,5 năm

3. Nội dung chương trình:

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Số tín chỉ	Thời gian đào tạo (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
I	Các môn học chung	12	255	94	148	13
MH 01	Giáo dục chính trị	2	30	15	13	2
MH 02	Pháp luật	1	15	9	5	1
MH 03	Tin học	2	45	15	29	1
MH 04	Tiếng Anh	4	90	30	56	4

MH 05	Giáo dục thể chất	1	30	4	24	2
MH 06	Giáo dục quốc phòng và an ninh	2	45	21	21	3
II	Các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc	58	1335	375	918	42
II.1	Các môn học, mô đun kỹ thuật cơ sở	16	240	166	59	15
MH 07	Vẽ kỹ thuật ngành may	3	45	29	13	3
MH 08	Cơ sở thiết kế trang phục	3	45	30	12	3
MH 09	Vật liệu may	2	30	28	0	2
MH 10	Nhân trắc học	3	45	25	18	2
MH 11	Thiết bị may	3	45	30	12	3
MH 12	An toàn lao động nghề may	2	30	24	4	2
II.2	Các môn học, mô đun chuyên môn nghề	35	1005	160	813	32
MH 13	Công nghệ sản xuất nghề may	5	75	42	30	3
MĐ 14	Thiết kế áo sơ mi, quần âu nam nữ	2	60	20	37	3
MĐ 15	May áo sơ mi nam, nữ	5	150	18	128	4
MĐ 15	May quần âu nam, nữ	4	120	13	104	3
MĐ 17	Thiết kế thời trang áo sơ mi, váy, Jacket	3	90	30	57	3
MĐ 18	May áo jacket nam	4	120	14	102	4
MĐ 19	May thời trang áo sơ mi, quần âu, váy	4	120	12	105	3
MH 20	May trang phục học đường	3	90	6	80	4
MĐ 21	Thực tập tốt nghiệp	4	180	5	170	5
II.3	Tên môn học, mô đun tự chọn	3	60	30	26	4
MH 22	Thiết kế mẫu may công nghiệp	3	60	30	26	4
Tổng cộng		71	1560	450	1046	64

4. Hướng dẫn sử dụng chương trình

4.1. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa:

- Trong một học kỳ bố trí 20 đến 22 tuần dành cho học tập, trong đó: Một học kỳ bố trí giảng dạy không quá 8 học phần (môn học) với số tín chỉ không quá 20 tín chỉ. Mỗi tín chỉ được tính bằng: 15 lý thuyết; 30 - 40 giờ thảo luận, thí nghiệm, thực hành; 45 giờ thực tập tại cơ sở (nhà máy, xí nghiệp).

- Thời gian học lý thuyết, thực hành được thực hiện một ngày không quá 8 giờ, một tuần không quá 40 giờ; Thời gian chuẩn bị cá nhân cho các giờ học lý thuyết và thực tập được tính ngoài quỹ thời gian thực học trong chương trình đào tạo. Học thực hành theo ca, mỗi ca từ 15 - 25 sinh viên/01 xưởng/01 giáo viên.

- Căn cứ kế hoạch đào tạo hàng năm, nhà trường sẽ bố trí thời gian cho người học được tham gia hoạt động ngoại khóa theo hình thức đi trải nghiệm thực tế tại các nhà máy xí nghiệp. Quỹ thời gian trải nghiệm thực tế sẽ tính vào thời gian dự trữ của khóa học (04 tuần/1 khóa học) và thời gian nghỉ hè (10 tuần/1 khóa học 2 năm) đảm bảo đúng quy định.

4.2. Hướng dẫn tổ chức kiểm tra hết môn học:

Thời gian tổ chức kiểm tra hết môn học đã được xác định và có hướng dẫn cụ thể theo từng môn học trong chương trình đào tạo và chương trình môn học (Tài Phụ lục 02,03).

Thái Nguyên, ngày 8 tháng 5 năm 2020

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

(Đã ký)

TS. Nguyễn Thị Việt Hương

ĐỘI NGŨ GIÁO VIÊN

TT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn được đào tạo	Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Môn học, mô đun, tín chỉ được phân công giảng dạy
1	Dương Thị Hồng Duyên	Thạc sĩ chủ nghĩa XNKH	NVSP		Giáo dục chính trị
2	Phan Thanh Huyền	Thạc sĩ Luật	NVSP		Pháp luật
3	Phạm Thị Thanh Hương	Thạc sĩ tin học	NVSP		Tin học
4	Nguyễn Thị Huệ	Đại học sư phạm Tiếng Anh	NVSP		Tiếng Anh
5	Nguyễn Văn Tuệ	Thạc sĩ Giáo dục thể chất	NVSP		Giáo dục thể chất Giáo dục quốc phòng và an ninh
6	Lê Thị Huệ	Thạc sĩ SPKT	NVSP		Vẽ kỹ thuật ngành may
7	Vũ Thị Nhâm	Đại học SPKT may và thời trang	NVSP	KNNQG3	Cơ sở thiết kế trang phục
8	Phạm Văn Nam	Đại học KT may và thời trang	NVSP		Vật liệu may
9	Vũ Thị Nhâm	Đại học SPKT may và thời trang	NVSP	KNNQG3	Nhân trắc học
10	Tổng Thị Thanh Hương	Đại học SPKT may và thời trang	NVSP		Thiết bị may
11	Phạm Thị Giới	Đại học SPKT may và thời trang	NVSP	KNNQG3	An toàn lao động nghề may
12	Cao Thị Bén	Đại học CN may và thời trang	NVSP	KNNQG3	Công nghệ sản xuất nghề may
13	Cao Thị Bén	Đại học CN may và thời trang	NVSP	KNNQG3	Thiết kế áo sơ mi, quần âu nam nữ
14	Phạm Thị Giới	Đại học SPKT may và thời trang	NVSP	KNNQG3	May áo sơ mi nam, nữ
15	Cao Thị Bén	Đại học CN may và thời trang	NVSP	KNNQG3	May quần âu nam, nữ
16	Vũ Thị Nhâm	Đại học SPKT may và thời trang	NVSP	KNNQG3	Thiết kế thời trang áo sơ mi, váy, Jacket
17	Phạm Thị Giới	Đại học SPKT may và thời trang	NVSP	KNNQG3	May áo jacket nam

TT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn được đào tạo	Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Môn học, mô đun, tín chỉ được phân công giảng dạy
18	Phạm Văn Nam	Đại học KT may và thời trang	NVSP		Máy thời trang áo sơ mi, quần âu, váy
19	Vũ Thị Nhâm	Đại học SPKT may và thời trang	NVSP	KNNQG3	Thiết kế mẫu may công nghiệp
20	Tổng Thị Thanh Hương	Đại học SPKT may và thời trang	NVSP		Máy trang phục học đường

PHỤ LỤC 2

DANH MỤC THIẾT BỊ ĐÀO TẠO NGHIỆP MẠY THỜI TRANG

*(Ban hành làm theo quyết định số 224 /QĐ –CNCN ngày 30 tháng 06 năm 2021
của hiệu trưởng CDCNTN)*

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sơ phạm	Yêu cầu kỹ thuật
I. Phòng kỹ thuật cơ sở					
1	Máy tính	Bộ	01	Sử dụng để trình chiếu minh họa cho các bài giảng	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
2	Máy chiếu	Chiếc	01	Dùng để trình chiếu bài giảng	Cường độ sáng > 2500 ANSI lumens - Kích thước phòng chiếu >1800mmx1800mm.
3	Hệ thống âm thanh, mỗi bộ bao gồm:	Bộ	01		
	Âm ly	Bộ	01	Dùng để tăng âm trong phòng học	Phù hợp với công suất loa
	Micro	Chiếc	01	Dùng để thu giọng nói truyền qua hệ thống loa	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua
	Loa	Chiếc	01		Công suất loa: > 20W
4	Bút trình chiếu	Chiếc	01	Dùng để hỗ trợ việc chuyển đổi các slide giảng dạy	Có đủ các phím chức năng hỗ trợ trình chiếu slide
5	Dụng cụ cứu thương	Bộ	02		
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Tủ thuốc	Chiếc	01		
	Xe đẩy	Chiếc	01		
	Túi cứu thương	Chiếc	01		
	Cáng cứu thương	Chiếc	01		
	Găng tay	Đôi	01		
	Panh, kéo	Chiếc	01		
	Hộp dụng cụ sơ cứu	Hộp	01	Dùng để nhận biết và giảng dạy phần thực hành sơ cứu nạn nhân khi gặp tai nạn	Theo tiêu chuẩn Việt Nam về dụng cụ y tế
6	Dụng cụ phòng cháy, chữa cháy	Bộ	02		
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Bình cứu hỏa dạng lỏng	Chiếc	01		
	Bình cứu hỏa dạng khí	Chiếc	01		
	Bình cứu hỏa dạng bột	Chiếc	01	Sử dụng để giới thiệu khi giảng dạy	Theo tiêu chuẩn Việt Nam về phòng cháy, chữa cháy

	Cuộn dây, vòi chữa cháy	Cuộn	01		
	Họng cấp nước	Chiếc	01		
	Bảng tiêu lệnh chữa cháy	Bộ	01		
7	Bộ bảo hộ lao động	Bộ	01		
	Mỗi bộ bao gồm:				
	+ Quần áo bảo hộ	Bộ	01	Sử dụng để giới thiệu khi giảng dạy thực hành bảo vệ an toàn lao động	Theo tiêu chuẩn Việt Nam về an toàn lao động
	+ Mũ bảo hộ	Chiếc	01		
	+ Giày bảo hộ	Đôi	01		
	+ Khẩu trang bảo hộ	Chiếc	01		
	+ Găng tay bảo hộ	Đôi	01		
8	Tủ đựng dụng cụ	Chiếc	01	Sử dụng để bảo quản và cất giữ dụng cụ, mẫu	Kích thước: > (600x400x800) mm
9	Bảng quy trình vận hành thiết bị	Bảng	01	Dùng để giảng dạy sinh viên thực hành cách vận hành thiết bị	Kích thước A0
10	Quy trình thực hiện An toàn lao động - PCCC	Bảng	01	Dùng để giảng dạy lý thuyết liên quan đến các biện pháp an toàn lao động, sơ cứu người bị tai nạn và PCCC	Các nội dung, hình ảnh được trình bày rõ ràng trên khổ A0
11	Bộ biểu mẫu quản lý máy thời trang	Bộ	01	Dùng để giảng dạy lý thuyết liên quan đến quá trình sản xuất may thời trang	Các nội dung, hình ảnh được trình bày rõ ràng trên khổ A4
II. Phòng ngoại ngữ					
1	Bàn điều khiển	Chiếc	01	Dùng để quản lý trong quá trình dạy và học	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm.
2	Khối điều khiển trung tâm	Chiếc	01		Có khả năng mở rộng kết nối.
3	Phần mềm điều khiển (LAB)	Bộ	01		Quản lý, giám sát hoạt động hệ thống và điều khiển. Thảo luận được 2 chiều.
4	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01	Sử dụng để trình chiếu, minh họa cho các bài giảng	Cường độ sáng >2500 ANSI lumens - Kích thước phong chiếu >1800mm x1800 mm.
5	Máy vi tính	Bộ	01	Cài đặt, sử dụng các phần mềm.	Loại có thông số kỹ thuật thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm; có khả năng đọc được đĩa quang học
6	Tai nghe	Bộ	40	Dùng để thực hành nghe	Loại có micro gắn kèm;

					thông số kỹ thuật thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm.
7	Scanner	Chiếc	01	Dùng để scan tài liệu phục vụ giảng dạy	Loại có thông số kỹ thuật thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm.
8	Thiết bị lưu trữ dữ liệu	Chiếc	01	Dùng để lưu trữ các nội dung, video, âm thanh	Loại có thông số kỹ thuật thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm.
III. Phòng thực hành máy vi tính					
1	Máy vi tính	Bộ	06	Sử dụng để trình chiếu minh họa cho các bài giảng	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
2	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01	Dùng để trình chiếu bài giảng	- Cường độ sáng >2500 ANSI lumens - Kích thước phòng chiếu >1800mm x1800 mm.
3	Bộ phần mềm văn phòng Microsoft Office	Bộ	01	Dùng để giảng dạy và thực hành kỹ năng sử dụng máy tính, sử dụng phần mềm văn phòng	Phiên bản thông dụng tại thời điểm mua sắm (bao gồm Microsoft Words, Microsoft Excel và Microsoft Powerpoint) ; cài được cho 19 máy tính
4	Bộ phần mềm phòng chữ tiếng Việt	Bộ	01	Dùng để giảng dạy và thực hành kỹ năng sử dụng máy tính soạn thảo văn bản tiếng Việt	Phiên bản thông dụng tại thời điểm mua sắm
5	Phần mềm diệt virus	Bộ	01	Dùng để giảng dạy và thực hành kỹ năng phòng ngừa và diệt virus máy tính	Phiên bản thông dụng tại thời điểm mua sắm
6	Scanner	Chiếc	01	Dùng để scan tài liệu phục vụ giảng dạy	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm.
7	Thiết bị lưu trữ dữ liệu	Chiếc	01	Dùng để lưu trữ các nội dung, video, âm thanh	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua
8	Phần mềm đồ họa trang phục	bộ	01	Sử dụng để thiết kế đồ họa các loại trang phục trên máy tính	Bộ phần mềm chuyên ngành cài đặt được tất cả các máy trong phòng học, có chức năng vẽ được các loại sản phẩm
9	Phần mềm thiết kế	bộ	01	Sử dụng để thiết kế mẫu rập 2D, 3D trên máy tính	Bộ phần mềm cài đặt được tất cả các máy trong phòng học, có chức năng may thử mẫu đã thiết kế 2D trên sản phẩm 3D
10	Máy in sơ đồ mẫu	Chiếc	01	Dùng để in sơ đồ mẫu, in chi	Khổ in 165cm - 225cm,

				tiết mẫu, thể hiện rõ nét vẽ	tốc độ in 90m + 150m/giờ kết nối internet/ usb
11	Máy in	Chiếc	01	Dùng để in các tài liệu	Máy in khổ A4, đen trắng; loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua
12	Máy thừa khuy đầu tròn	Cái	01	Sử dụng để hướng dẫn vận hành máy, thừa, đầu tròn trên sản phẩm may	Tốc độ >3600 mũi/ phút, Số mũi/ khuyết: từ 54 + 370 mũi
13	Máy may 1 kim điện tử	Cái	11	Thực hành may áo sơ mi, quần âu, áo Jacket	Tốc độ may > 4000 mũi/phút
14	Máy cuốn ống	Cái	01	Sử dụng thực hành may các đường cuốn trên sản phẩm	Tốc độ may >5000 mũi/phút
15	Máy ép mex cân bằng tự động	Cái	01	Dùng để kiểm tra độ co, độ kết dính của mex với vải	Điện áp 3PH/380, công suất nhiệt nóng 23 kw, áp lực khí nén 6Mpa, chiều rộng băng ép 1050mm, kích cỡ (4625x1200x1240) mm
16	Máy vắt gấu (lên lai)	Cái	01	Sử dụng để hướng dẫn vận hành máy, vắt gấu quần, áo, váy	Tốc độ may tối thiểu ≥ 2200 vòng/phút
17	Máy cắt dây tay	Cái	01	Dùng để cắt các chi tiết phục vụ học tập	2,800 rpm
18	Máy cắt đầu bàn	Cái	01	Dùng để cắt xén đầu bàn vải khi trải vải	Tốc độ cắt 2,400 rpm
19	Bàn là hơi	Bộ	01	Sử dụng là hoàn thiện sản phẩm	Điện áp xoay chiều : 220V; CS 2000 độ C
20	Máy cắt vòng	Cái	01	Dùng để cắt vải mex	
21	Máy đính bọ điện tử	Cái	01	Sử dụng đính bọ áo sơ mi, quần âu, áo Jacket nam, nữ	Tốc độ may >1800 mũi /phút Số mũi may: từ 28 đến 42 mũi / bọ Chiều rộng bọ: 1.5 + 3mm Chiều dài bọ: 8 + 16 mm

IV Phòng thiết kế mẫu

1	Máy tính	Bộ	01		Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua
2	Máy chiếu	Chiếc	01	Sử dụng để trình chiếu minh họa cho các bài giảng	Cường độ sáng > 2500 ANSI lumens - Kích thước phòng chiếu > 1800mmX1800mm.
3	Bút trình chiếu	Chiếc	01	Dùng để chuyển đổi các slide giảng dạy	Có đủ các phím chức năng hỗ trợ trình chiếu slide
4	Ma nơ canh bán thân	Chiếc	03	Sử dụng hướng dẫn mặc thử	Kích thước đúng thông số

				tiết mẫu, thể hiện rõ nét vẽ	tốc độ in 90m + 150m/giờ kết nối internet/ usb
11	Máy in	Chiếc	01	Dùng để in các tài liệu	Máy in khổ A4, đen trắng; loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua
12	Máy thừa khuy đầu tròn	Cái	01	Sử dụng để hướng dẫn vận hành máy, thừa, đầu tròn trên sản phẩm may	Tốc độ >3600 mũi/ phút, Số mũi/ khuyết: từ 54 + 370 mũi
13	Máy may 1 kim điện tử	Cái	11	Thực hành may áo sơ mi, quần âu, áo Jacket	Tốc độ may > 4000 mũi/phút
14	Máy cuốn ống	Cái	01	Sử dụng thực hành may các đường cuốn trên sản phẩm	Tốc độ may >5000 mũi/phút
15	Máy ép mex cân bằng tự động	Cái	01	Dùng để kiểm tra độ co, độ kết dính của mex với vải	Điện áp 3PH/380, công suất nhiệt nóng 23 kw, áp lực khí nén 6Mpa, chiều rộng băng ép 1050mm, kích cỡ (4625x1200x1240) mm
16	Máy vắt gấu (lên lai)	Cái	01	Sử dụng để hướng dẫn vận hành máy, vắt gấu quần, áo, váy	Tốc độ may tối thiểu ≥ 2200 vòng/phút
17	Máy cắt dây tay	Cái	01	Dùng để cắt các chi tiết phục vụ học tập	2,800 rpm
18	Máy cắt đầu bàn	Cái	01	Dùng để cắt xén đầu bàn vải khi trải vải	Tốc độ cắt 2,400 rpm
19	Bàn là hơi	Bộ	01	Sử dụng là hoàn thiện sản phẩm	Điện áp xoay chiều : 220V; CS 2000 độ C
20	Máy cắt vòng	Cái	01	Dùng để cắt vải mex	
21	Máy dánh bộ điện tử	Cái	01	Sử dụng dánh bộ áo sơ mi, quần âu, áo Jacket nam, nữ	Tốc độ may >1800 mũi /phút Số mũi may: từ 28 đến 42 mũi / bộ Chiều rộng bộ: 1.5 + 3mm Chiều dài bộ: 8 + 16 mm

IV Phòng thiết kế mẫu

1	Máy tính	Bộ	01		Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua
2	Máy chiếu	Chiếc	01	Sử dụng để trình chiếu minh họa cho các bài giảng	Cường độ sáng > 2500 ANSI lumens - Kích thước phòng chiếu > 1800mmX1800mm.
3	Bút trình chiếu	Chiếc	01	Dùng để chuyển đổi các slide giảng dạy	Có đủ các phím chức năng hỗ trợ trình chiếu slide
4	Ma nơ canh bán thân	Chiếc	03	Sử dụng hướng dẫn mặc thử	Kích thước đúng thông số

	trên nam			mẫu sản phẩm	theo cỡ chuẩn
5	Ma nơ canh bán thân trên nữ	Chiếc	03	Dùng để hướng dẫn mặc thử mẫu sản phẩm	Kích thước đúng thông số theo cỡ chuẩn
6	Đinh ghim	Hộp	01	Hỗ trợ ghim mẫu để quan sát khi giảng dạy	Loại thông dụng trên thị trường
7	Giá treo mẫu	Chiếc	01	Dùng để treo mẫu quan sát	Phổ biến trên thị trường tại thời điểm mua sắm
8	Giá đỡ giấy cuộn thiết kế	Chiếc	01	Dùng để lưu trữ giấy thiết kế, lấy giấy khi thực hành thiết kế	Kích thước theo khổ cuộn giấy từ 1200 + 1600mm
9	Bảng ghim mẫu raster	Chiếc	01	Dùng để treo mẫu quan sát	Loại thông dụng trên thị trường (1,2 - 1,5 m)
10	Bàn vẽ kỹ thuật	Chiếc	03	Dùng để thực hành thiết kế mẫu	Đảm bảo chắc chắn. Vẽ được các bản vẽ A0
11	Móc treo sản phẩm	Chiếc	18	Dùng để treo sản phẩm để dễ quan sát khi giảng dạy	Phổ biến trên thị trường tại thời điểm mua sắm
12	Kim bấm dấu	Chiếc	05	Sử dụng để làm dấu các chi tiết mẫu cứng	Kích thước: 80x150x24mm. Khối lượng 116 g
13	Dao trở mẫu	Chiếc	05	Sử dụng để cắt các chi tiết mẫu	Kích thước sản phẩm 80mmx150mmx24mm Khối lượng 116 g
14	Tấm nhựa kê trở mẫu	Chiếc	05	Sử dụng để kê khi trở các chi tiết mẫu bìa cứng	Nhựa dẻo khổ: 900 x 600 mm
15	Đục lỗ treo mẫu raster	Chiếc	01	Sử dụng để đục lỗ treo mẫu	Bằng thép để đục rỗng chi tiết mẫu khi treo Đường kính: 10mm
16	Kéo	Chiếc	18	Sử dụng để cắt giấy trong quá trình cắt mẫu, dầu sơ đồ	Có độ sắc bén và chuẩn xác cao, phần tay cầm phù hợp với người sử dụng
17	Đe chặn mẫu	Chiếc	05	Dùng để giữ mẫu khi thực hành sao các chi tiết mẫu	Bằng chất liệu sắt có trọng lượng (0.3-0.5) Kg
18	Bộ dụng cụ vẽ	Bộ	01	Sử dụng hướng dẫn thực hành vẽ các hình vẽ thiết kế	Thông số kỹ thuật cụ thể như sau:
	Môi bộ bao gồm:				
	Ê ke	Bộ	01	Dùng để thực hành xác định các đường dựng hình vuông góc, các góc theo yêu cầu	Êke 450, 600 thông dụng.
	Com pa	Chiếc	01	Sử dụng để thực hành vẽ cung tròn	Loại com pa có khả năng vẽ đường tròn từ 50 mm trở lên.
	Thước cong	Bộ	01	Sử dụng để thực hành vẽ các đường cong chi tiết mẫu	Thước có đầy đủ các dạng đường cong kỹ thuật với kích thước khác nhau.
	Thước sắt không rỉ	Chiếc	01	Sử dụng để trở, khoét mẫu giấy	Thước có chiều dài >200mm

	Thước nhựa cứng	Chiếc	01	Sử dụng để thực hành đo, vẽ các chi tiết	Thước có chiều dài từ >300- 500 mm
	Thước dây	Chiếc	01	Sử dụng để đo các kích thước theo yêu cầu.	Thước có chiều dài từ >1500 mm
	Con lăn sao mẫu	Chiếc	01	Sử dụng để sao mẫu rập	Loại thông dụng trên thị trường
19	Bảng mẫu vải	Bảng	01	Dùng để phân biệt và phân loại các dạng vải khác nhau	Các mẫu vải dệt kim, dệt thoi, vải không dệt cơ bản, Các loại vải kẻ, nhung hoa văn.
20	Bảng mô hình hình dáng chi tiết mẫu các loại SP	Chiếc	01	Dùng để phân biệt chi tiết mẫu các loại trang phục khác nhau	Kích thước A1, A0
21	Bộ mẫu trực quan sản phẩm sơ mi, quần âu, jacket	Bộ	01	Dùng để giới thiệu hình dáng và kết cấu trang phục	Sản phẩm cơ bản đã may hoàn thiện
22	Tài liệu kỹ thuật của sản phẩm	Bộ	01	Dùng để giảng dạy thực hành liên quan đến duyệt mẫu sản phẩm	Tài liệu tương ứng với các loại sản phẩm

V. Phòng thực hành may cơ bản

1	Máy tính	Bộ	01	Sử dụng để trình chiếu minh họa cho các bài giảng	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
2	Máy chiếu	Chiếc	01	Dùng trình chiếu các bài giảng, bài báo cáo	Cường độ sáng tối thiểu ≥ 2500 Ansi lument Kích thước phóng chiếu (1800x1800)mm
3	Bút trình chiếu	Chiếc	01	Dùng để hỗ trợ việc chuyển đổi các slide giảng dạy	Có đủ các phím chức năng hỗ trợ trình chiếu slide
4	Máy may 1 kim	Bộ	23	Thực hành may áo sơ mi, quần âu, áo Jacket	Tốc độ may > 4000 mũi/phút
5	Máy vắt sổ 2 kim, 4 chỉ	Bộ	01	Dùng để thực hành vắt sổ các sản phẩm vải co giãn	Tốc độ may > 5000 mũi/phút
6	Máy vắt sổ 2 kim 5 chỉ	Bộ	01	Dùng để vắt sổ áo sơ mi, quần âu, nam, nữ	Tốc độ may > 5000 mũi/phút
7	Máy đánh chỉ	Bộ	01	Dùng để đánh san chỉ thành các cuộn nhỏ	Công suất: 60W Kích thước: 440x220x330mm
8	Bàn là nhiệt	Bộ	02	Sử dụng là các chi tiết sản phẩm	Nhiệt độ: 1000 độ C Công suất: 1-2 kW
9	Bàn là hơi	Bộ	02	Sử dụng là hoàn thiện sản phẩm	Nhiệt độ: 2000 độ C Công suất: 1-2 kW
10	Bàn thợ phụ	Chiếc	05	Sử dụng để đặt bàn là để là các loại sản phẩm	Cao 800-900 mm; Dài 1200-1800 mm; Rộng 900-1200 mm.

11	Tủ đựng nguyên phụ liệu, sản phẩm	Chiếc	02	Sử dụng để bảo quản và cất giữ dụng cụ, mẫu, BTP	Tủ loại nhiều ngăn và đủ không gian sử dụng;
12	Bộ chân vịt	Bộ	18		
	Môi bộ bao gồm:				
	Các loại chân vịt mí	Bộ	01	Sử dụng thực hành may các đường may mí	Loại mí ngược và mí xuôi thông số 0,1cm
	Các loại chân vịt điều	Bộ	01	Sử dụng thực hành may các đường may điều	Loại từ 0,2 + 1cm
	Các loại chân vịt tra khóa	Bộ	01	Sử dụng thực hành tra các loại khóa	Theo chủng loại sản phẩm
13	Kéo	Chiếc	18	Sử dụng để cắt vải	Kéo cắt vải thông dụng có thể cắt được sợi, vải.
14	Kéo bấm chỉ	Chiếc	18	Sử dụng trong quá trình may để bấm các đầu chỉ, xơ vải	Loại kéo bấm nhỏ bằng thép thông dụng trên thị trường có thể gấp đầu kéo
15	Bộ dụng cụ đo	Bộ	18		
	Môi bộ bao gồm:				
	Thước nhựa cứng	Chiếc	01	Dùng để đo thông số sản phẩm, làm dấu sản phẩm	Thước có chiều dài từ >300- 500 mm
	Thước dây	Chiếc	01	Dùng để đo các kích thước sản phẩm theo yêu cầu.	Thước có chiều dài từ >1500 mm
16	Bộ bảo hộ lao động	Bộ	18	Để giới thiệu khi giảng dạy, thực hành bảo vệ an toàn lao động	Theo tiêu chuẩn Việt Nam về an toàn lao động
	Môi bộ bao gồm:				
	Quần áo bảo hộ	Bộ	01		
	Mũ bảo hộ	Chiếc	01		
	Dép bảo hộ	Đôi	01		
	Khẩu trang bảo hộ	Chiếc	01		
17	Mô hình mẫu các bộ phận chủ yếu áo sơ mi, quần âu, jacket, veston	Bộ	01	Dùng để giới thiệu trình tự và phương pháp may các bộ phận chủ yếu của áo sơ mi nam, nữ	Mô hình mô phỏng đầy đủ và chuẩn về trình tự và phương pháp may
18	Bộ mẫu trực quan sản phẩm sơ mi, quần âu, jacket, veston.	Bộ	01	Dùng để nghiên cứu đặc điểm của từng loại trang phục	Sản phẩm hoàn thiện theo từng loại trang phục
19	Máy thừa khuy đầu bằng	Chiếc	01	Sử dụng để thừa khuy đầu bằng trên sản phẩm	Tốc độ tối thiểu ≥ 3300 vòng/ phút
20	Máy thừa khuy đầu tròn (đi thực tập doanh nghiệp)	Chiếc	01	Sử dụng để thừa khuy đầu tròn trên sản phẩm	Tốc độ tối thiểu ≥ 2200 vòng/ phút
21	Máy đính cúc điện tử	Chiếc	01	Sử dụng để đính cúc trên sản phẩm	Tốc độ tối thiểu ≥ 1800 vòng/ phút
22	Máy đính bọ điện tử	Chiếc	01	Sử dụng để đính bọ trên sản phẩm	Tốc độ tối thiểu ≥ 2700 vòng/ phút

23	Máy trần dè	Chiếc	01	Sử dụng để may các đường trang trí trên sản phẩm	Tốc độ tối thiểu ≥ 4000 vòng/phút
24	Máy lộn cổ	Chiếc	01	Dùng để lộn cổ cổ áo	
VI. Phòng thực hành may chuyên dụng					
1	Máy tính	Bộ	01	Sử dụng để trình chiếu minh họa cho các bài giảng	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
2	Máy chiếu	Chiếc	01	Dùng trình chiếu các bài giảng, bài báo cáo	Cường độ sáng tối thiểu ≥ 2500 Ansi lument Kích thước phòng chiếu (1800x1800)mm
3	Bút trình chiếu	Chiếc	01	Sử dụng chuyển đổi các slide giảng dạy	Có đủ các phím chức năng hỗ trợ trình chiếu slide
4	Máy thừa khuyết bằng	Bộ	01	Sử dụng thừa khuyết áo sơ mi, quần âu nam, nữ	Tốc độ >3600 mũi/ phút, Số mũi/ khuyết: từ 54 + 370 mũi
5	Máy đính cúc	Bộ	01	Sử dụng đính cúc áo sơ mi, quần âu nam, nữ	Tốc độ may >1500 mũi/ phút Kiểu cúc: 2, 4 lỗ
6	Máy cuốn ống	Bộ	01	Sử dụng thực hành may các đường cuốn trên sản phẩm	Tốc độ may >5000 mũi/phút
7	Máy 2 kim	Bộ	02	Sử dụng thực hành may các đường may song song các sản phẩm nâng cao	Tốc độ may >4000 mũi/phút
8	Máy trần dè	Bộ	02	Sử dụng thực hành may các đường may điều dè trên sản phẩm nâng cao	Tốc độ may >5000 mũi/phút
9	Máy đính bọ	Bộ	01	Sử dụng đính bọ áo sơ mi, quần âu, áo Jacket, áo Veston nam, nữ	Tốc độ may >1800 mũi/ phút Số mũi may: từ 28 đến 42 mũi / bọ Chiều rộng bọ: 1.5 + 3mm Chiều dài bọ: 8 + 16 mm
10	Máy đánh chỉ	Bộ	01	Sử dụng đánh san chỉ thành các cuộn nhỏ	CS: 60W/ 220V/ 50Hz KT: 440*220*330mm
11	Bàn là nhiệt	Bộ	02	Sử dụng là các chi tiết sản phẩm	Điện áp xoay chiều : 220V CS: 1000 độ C
12	Bàn là hơi	Bộ	02	Sử dụng là hoàn thiện sản phẩm	Điện áp xoay chiều : 220V; CS 2000 độ C
13	Bàn thợ phụ	Chiếc	01	Sử dụng để đặt bàn là để là các loại sản phẩm	Kích thước Cao 800+900 mm; Dài 1200+1800 mm; Rộng 900+1200 mm.
14	Tủ đựng nguyên phụ liệu, sản phẩm	Chiếc	01	Sử dụng để bảo quản và cất giữ dụng cụ, mẫu, bán thành phẩm	Kích thước: $> (600 \times 400 \times 800)$ m m
15	Kéo	Chiếc	18	Sử dụng để cắt vải	Kéo cắt vải thông dụng có thể cắt được sợi, vải.

16	Kéo bấm chỉ	Chiếc	18	Sử dụng trong quá trình may để bấm các đầu chỉ, xơ vải	Loại kéo bấm nhỏ bằng thép thông dụng trên thị trường có thể gấp đầu kéo lại được thuận tiện cho quá trình thao tác.
17	Bộ dụng cụ đo	Bộ	18		
	Môi bộ bao gồm:				
	Thước nhựa cứng	Chiếc	01	Dùng để đo thông số sản phẩm, làm dấu sản phẩm	Thước có chiều dài từ >300- 500 mm
	Thước dây	Chiếc	01	Dùng để đo các kích thước sản phẩm theo yêu cầu.	Thước có chiều dài từ > 1500 mm
18	Ma nơ canh bán thân trên nam	Chiếc	03	Dùng để hướng dẫn mặc thử mẫu sản phẩm	Kích thước đúng thông số theo cỡ chuẩn
19	Ma nơ canh bán thân dưới nữ	Chiếc	03	Dùng để hướng dẫn mặc thử mẫu sản phẩm	Kích thước đúng thông số theo cỡ chuẩn
20	Giá treo sản phẩm	Chiếc	01	Dùng để treo sản phẩm để dễ quan sát, bảo quản sản phẩm	Phổ biến trên thị trường tại thời điểm mua sắm
21	Móc treo sản phẩm	Chiếc	18	Dùng để treo sản phẩm để đảm bảo phẳng sản phẩm	Phổ biến trên thị trường tại thời điểm mua sắm
22	Sản phẩm mẫu áo sơ mi nam, nữ, Jacket	Bộ	01	Nghiên cứu đặc điểm của từng loại áo sơ mi nam, nữ, Jacket	Theo chủng loại sản phẩm
23	Bộ bảo hộ lao động	Bộ	18	Sử dụng để giới thiệu khi giảng dạy khi thực hành để bảo vệ an toàn lao động	Theo tiêu chuẩn Việt Nam về an toàn lao động
	Môi bộ bao gồm:				
	Quần áo bảo hộ	Bộ	01	Sử dụng để hướng dẫn thực hiện an toàn, 5S học thực hành	Theo tiêu chuẩn Việt Nam về bảo hộ lao động
	Mũ bảo hộ	Chiếc	01		
	Dép bảo hộ	Đôi	01		
	Khẩu trang bảo hộ	Chiếc	01		
24	Bảng quy trình vận hành các thiết bị chuyên dùng	Bảng	01	Sử dụng để hướng dẫn thực hiện thực hành	Theo chủng loại thiết bị
25	Bộ mẫu trực quan sản phẩm sơ mi, quần âu, jacket.	Bộ	01	Dùng để nghiên cứu kết cấu đường may chuyên dùng của từng loại trang phục	Sản phẩm hoàn thiện theo từng loại trang phục

Thái Nguyên, ngày 28 tháng 06 năm 2021

BAN GIÁM HIỆU DUYỆT PHÒNG QUẢN TRỊ VẬT TƯ TỔ TRƯỞNG TỖ MAY TT THƯ KÍ



TS. Nguyễn Thị Việt Hương

Nguyễn Thái Bình
Nguyễn Thái Bình

Cao Thị Bưởi
Cao Thị Bưởi

Phạm Thị Giới
Phạm Thị Giới